

TỔ CHỨC XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG VÀ LOẠI HÌNH CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ

Lâm Văn Rạng

Trường Chính trị tỉnh Trà Vinh

TÓM TẮT

Người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long đã hình thành ba vùng dân cư tập trung lớn: vùng Sóc Trăng – Bạc Liêu – Cà Mau (Sóc Trăng, Vĩnh Châu, Vĩnh Lợi), vùng An Giang – Kiên Giang (Vọng Thê, Tri Tôn, Nhà Bàng, phía Tây Bắc Hà Tiên), vùng Trà Vinh – Vĩnh Long. Tổ chức xã hội của người Khmer là phum, sóc. Quản lý và điều hành phum, sóc do một người lớn tuổi có uy tín trong cộng đồng đảm nhận. Sinh hoạt của phum, sóc mang tính chất cộng đồng tự quản. Người Khmer thường cư trú trên đất giồng, đất ruộng, ven theo kênh và các con lạch nhỏ, hoặc ở các “vành khăn” chân núi.

Từ khóa: người Khmer, Nam Bộ, xã hội, cư trú

1. Ba vùng dân cư Khmer ở Nam Bộ

Từ cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI, người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long đã hình thành ba vùng dân cư tập trung lớn:

Vùng Sóc Trăng – Bạc Liêu – Cà Mau (chủ yếu là Sóc Trăng, Vĩnh Châu, Vĩnh Lợi). Ở đây, các vùng Kế Sách, Long Phú, Mỹ Xuyên là đất Phù Sa lẫn nhiều cát và có các giồng ven biển. Ngược lại ở các huyện Thạnh Trị, Hòa Thuận là vùng đất sét có nhiều phèn nên không canh tác được lúa mà chỉ có rừng chồi, rừng tràm. Vùng bờ biển ở đây thuộc loại đất bùn. Mùa khô nước mặn lên tới tận Đại Ngãi nên các xã, ấp xung quanh đất đai bị nhiễm phèn nặng. Giữa các giồng là bờ biển, đất thấp và lầy lội, nên chưa thu hút được đông cư dân cư trú. Đặc trưng nổi bật của vùng này là sự cư trú đan xen giữa người Khmer, Việt, Hoa dẫn đến sự hòa nhập một cách sâu sắc về văn hóa giữa các dân tộc, tạo nên yếu tố văn hóa chung của vùng.

Vùng An Giang - Kiên Giang (chủ yếu là Vọng Thê, Tri Tôn, Nhà Bàng, sau đến phía Tây Bắc Hà Tiên). Vùng này còn được

gọi là vùng núi Tây Nam bao gồm tứ giác Long Xuyên; vùng núi cao dọc biên giới Campuchia thuộc dãy Bảy Núi và một số núi nhỏ khác (núi Sập, núi Ba Thê). Vùng Hà Tiên có một ít núi đá vôi chạy dài theo vịnh Thái Lan. Thiên nhiên ở đây đa dạng và cũng rất khắc nghiệt đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình trạng cư trú, sinh hoạt, sản xuất của người Khmer và người Việt. Các tư liệu sưu tầm được chủ yếu là ghi chép về công cuộc sinh sống và khai khẩn của người Việt, còn người Khmer thì chưa được chú ý ghi chép đầy đủ. Tác giả Sơn Nam trong tập biên khảo Lịch sử khẩn hoang miền Nam cho rằng: “Những con số trên chỉ ghi những thôn xã do người Việt thành lập. Phía Hậu Giang ruộng nương chưa đến nổi ít ỏi, dân số không quá thừa thớt, chỉ vì phần Cương Vực Chí không ghi lại dân số, diện tích các sóc Cao Miên, tập trung ở vùng Trà Vinh, Bạc Liêu, Cần Thơ, Rạch Giá, Sóc Trăng. Riêng về vùng Hà Tiên ghi 6 phố, sở của người Tàu, 26 sóc Cao Miên và 19 xã thôn Việt Nam” [7].

Cư dân Khmer ở vùng này thuộc hai tỉnh biên giới Tây Nam là An Giang và Kiên Giang. Người Khmer ở đây xây dựng phum, sóc trên đồi hay trên các giồng ven kênh trong những vùng đất thấp hoặc ven chân núi quanh dãy Bảy Núi. Ngoài ra, người Khmer còn cư trú ven các thị trấn, thị xã như Tri Tôn, Hà Tiên, Rạch Giá, mặc dù sống ven quanh các thị trấn, thị xã nhưng họ theo thói quen, vẫn cư trú theo từng phum, sóc và làm ruộng nước.

Vùng Trà Vinh – Vĩnh Long (còn gọi là vùng nội địa). Địa hình vùng này phẳng thấp, có những sông đất dọc theo hai bờ sông Tiền, sông Hậu và những gò đất chạy song song với bờ biển cao một vài mét. Những sông đất và gò đất này được người Khmer gọi là “phno” (giồng). Những giồng hay gò đất là vùng đất phù sa cổ, trên mặt là đất cát pha thịt, dưới sâu là đất sét, dễ thoát nước. Đây là những dải duyên hải xưa cũ mà đồng bằng trong quá trình tiến dần ra biển hình thành nên. Đây là một trong những vùng cư trú cổ xưa nhất của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long mà minh chứng là những chùa, tháp được xây dựng trước đây nhiều thế kỷ, hiện còn được bảo lưu. Phum, sóc của người Khmer phần lớn được xây dựng trên các dải đất giồng, một số cư trú xen kẽ trong các trũng đồng ruộng mênh mông gọi là “ô”, một số cư trú ven kênh và ven bờ biển.

Trong số đó, vùng Khmer Sóc Trăng, Cần Thơ, Bạc Liêu là địa bàn cư trú cổ xưa nhất của người Khmer[6]. Theo nghiên cứu của tác giả người Pháp thì vào khoảng năm 1886, người Khmer ở Trà Vinh chiếm khoảng 30% dân số, ở Sóc Trăng chiếm 27%, Rạch Giá 26%, Châu Đốc 18%, Bạc Liêu 18%, Cần Thơ 8%[8]. Do đó ta thấy người Khmer cũng chiếm một tỉ lệ dân số

khá cao nhưng chưa phải là chiếm tỉ lệ tuyệt đối trong dân số Nam Bộ.

2. Tổ chức xã hội của người Khmer

Đến thế kỷ XVII, cùng với người Khmer còn có lớp cư dân người Việt từ vùng Thuận Quảng đến khai khẩn đồng bằng sông Cửu Long và lập những làng người Việt. Vùng cư dân người Việt, người Khmer đã phát triển nhanh chóng. Để trực tiếp quản lý cư dân, năm 1698, chúa Nguyễn thiết lập ở đây bộ máy cai trị. Năm 1757, công cuộc Nam tiến của người Việt cơ bản hoàn tất và tiến sâu đến vùng tận cùng Cà Mau. Dưới triều Nguyễn, tổng số người Khmer tuy không đến 150.000 người nhưng vẫn được coi là một sắc dân có đủ quyền lợi như người Việt.

Vốn là cư dân nông nghiệp, ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, người Khmer đã tập hợp nhau lại thành những đơn vị xã hội tự quản. Mỗi tập thể định cư trên một địa điểm bám sát đất trồng trọt gọi là phum. Đơn vị cao hơn phum và bao gồm nhiều phum gọi là srok (theo Việt hóa là sóc). Phum sóc không phải là đơn vị hành chính nhà nước, mà là những đơn vị xã hội cổ truyền, ràng buộc nhau bởi các phong tục, lễ nghi mà ở đó ngôi chùa là trung tâm sinh hoạt văn hóa.

Trong đời sống của người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long, phum là đơn vị cư trú thường bao gồm từ 5–7 gia đình, sống quây quần trong một khoảnh đất nhất định, trên những dải đất cao (được gọi là những “giồng đất, giồng cát”). Xung quanh phum thường trồng tre gai (loài tre có gai) bao quanh thay cho việc làm tường bao để bảo vệ các gia đình trong phum. “Lập phum, người ta chọn nơi đất tốt, cao ráo, xác định khuôn viên, trồng tre xung quanh để làm rào khép kín, quay mặt ra đường cái, có cổng ra

vào, bên trong ngăn nắp, nhà ở theo thứ tự, từng hộ có nơi làm chuồng trâu, bò, heo, nơi chắt rơm khô. Phum rộng còn có chút đất ở phía sau để mỗi hộ có thể trồng trọt chút ít rau, đậu, hành, ớt...”[9]. Các gia đình trong phum hầu hết có quan hệ huyết thống và quan hệ hôn nhân với nhau. Thông thường gồm gia đình của cha mẹ, gia đình của các con gái và con rể.

Quản lý và điều hành phum do một người lớn tuổi có uy tín trong cộng đồng đảm nhận, bất kể là đàn ông hay đàn bà và thường được gọi là “mê phum” (trong tiếng Khmer me-ftech nghĩa là mẹ, là người cai quản gia đình, về sau mở rộng nghĩa ra, là trưởng, là người đứng đầu)[6]. “Mê phum” có trách nhiệm chăm lo công việc nội bộ của phum và quan hệ với bên ngoài phum. Những công việc đó thường nặng về các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo, như cúng Neakta, cúng Arăk, tổ chức lên chùa trong các ngày lễ, các công việc liên quan đến chu kỳ đời người như cưới hỏi, tang ma, vận động các gia đình giúp đỡ lẫn nhau trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt...

Sinh hoạt của phum mang tính chất cộng đồng tự quản của một tập hợp người vừa có quan hệ cùng huyết thống lại vừa có quan hệ lãnh thổ láng giềng. Thành viên trong phum là những gia đình bà con huyết thống, nhưng mỗi gia đình thành viên là một đơn vị kinh tế độc lập. Xét theo quan hệ huyết thống, tính liên kết huyết thống trong phum cũng rất lỏng lẻo, nó không đủ tạo nên những dòng họ có tính kế thừa lâu đời, nó cũng không có những loại của cải chung như đất hương hỏa, từ đường... để làm cơ sở liên kết kinh tế chung.

Ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, sóc của đồng bào Khmer cũng là một đơn vị cư trú, lớn hơn phum, tương tự như làng của

người Việt. Mỗi sóc gồm nhiều phum và một ngôi chùa, những sóc lớn hơn có thể có hai ngôi chùa. Ngôi chùa là bộ mặt của phum sóc nên được xây dựng rất công phu. Việc quản lý sóc được giao cho ban quản trị sóc, mà người đứng đầu được gọi là “mê sóc” do ban quản trị sóc bầu ra. Những thành viên trong ban quản trị được nhân dân tuyển chọn trong số những đàn ông lớn tuổi có uy tín, có trình độ học vấn, hiểu biết phong tục, tập quán, có tinh thần trách nhiệm. Cùng với ban quản trị, “mê sóc” trông coi điều hành các công việc chung thuộc nội bộ của sóc, thay mặt cho các thành viên trong sóc thực hiện các công việc đối ngoại, duy trì mối liên hệ thường xuyên giữa nhà chùa với dân sóc.

Bên cạnh bộ máy tự quản phum, sóc còn có hệ thống tổ chức nhà chùa. Đứng đầu mỗi chùa có một vị sư Cả (lục gru) là người trụ trì ngôi chùa, vị lãnh đạo tôn giáo cao nhất của một hoặc vài sóc. Người Khmer coi sư Cả là đại diện cho đức Phật, những lời giáo huấn của sư Cả được nhân dân tôn trọng và thực thi một cách nghiêm túc. Sư Cả còn là người đại diện cho tầng lớp trí thức cao nhất trong cộng đồng. Trong mỗi chùa cùng với sư Cả và các sư sãi chuyên lo các việc tôn giáo còn có tổ chức của tín đồ là ban quản trị chùa (Knă kô ma ca wat) gồm có ông chủ chùa (Nhôm wat), thầy phụ trách nghi lễ (Acha wat) và các vị khác phụ trách về tài chính, Phật sự. Ban quản trị chùa thay mặt nhà chùa đứng ra tổ chức, hoạch định chương trình các buổi lễ, định địa tô cho chùa, giải quyết những vấn đề Phật sự như sửa sang, trùng tu chùa, tìm kiếm những ngân khoản chi tiêu cho nhà chùa...

Trước khi có lưu dân người Việt, người Hoa, người Chăm đến vùng đồng bằng sông

Cửu Long thì người Khmer là thành phần cư dân duy nhất cư trú ở đây. Họ quần tụ theo từng phum, sóc đầu tiên trên các giồng đất, giồng cát. Xã hội người Khmer lúc bấy giờ là hoàn toàn tự quản với bộ máy quản lý điều hành hết sức giản đơn. Đặc biệt, khi quần cư ở đâu, người Khmer đều lập chùa thờ Phật. Mỗi sóc có một chùa, sư sãi được đề cao. Mọi mâu thuẫn trong xã hội đều do các sư đàn xếp, phân xử. Tình hình biệt lập và tự quản như thế kéo dài cho tới khi nhà Nguyễn vươn tới kiểm soát và thiết lập hệ thống hành chính nhà nước. Trong khuôn khổ bộ máy cai trị của nhà Nguyễn, phum sóc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long đã bị tích hợp vào các xã, ấp chính thức của chính quyền. GS. Mạc Đường đã nhận xét: “Cho đến thế kỷ XVII, người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long vẫn sống khu biệt và không có mối quan hệ hành chính với bất cứ quốc gia nào thời đó”[6].

3. Hình thái cư trú trên các địa bàn người Khmer

Căn cứ vào đặc điểm địa lý môi sinh, người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long có các loại hình cư trú chủ yếu sau:

– Cư trú trên đất giồng

Đây là hình thái cư trú phổ biến nhất cũng là hình thái cư trú sớm nhất của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long, tập trung chủ yếu ở các tỉnh: Trà Vinh, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Cần Thơ. Giồng có hai loại giồng: giồng duyên hải và giồng ven sông. Đất giồng là loại phù sa cổ, trên mặt là đất cát pha thịt, dưới sâu là đất sét dễ thoát nước, đất đai khô ráo, và không bị nhiễm mặn. Đây là những dải đất duyên hải xưa cũ trong quá trình tiến dần ra biển hình thành nên.

Có thể nói đất giồng là nơi cư trú đầu tiên của người Khmer ở đồng bằng sông

Cửu Long. Khi đồng bằng sông Cửu Long chưa được khai phá, phần lớn nơi đây còn hoang vu, ngập lụt thì đất giồng là nơi dừng chân thích hợp đầu tiên của con người để sau đó dần dần mở rộng việc khai phá ruộng đất ra xung quanh.

Trên đất giồng, hình dáng của sóc Khmer thường có hình cung dài, uốn theo kích thước và chiều hướng của đất giồng. Loại hình này thường gặp ở những vùng Vũng Liêm, Tiểu Cần, Trà Cú, Cầu Kè, Cầu Ngang, Châu Thành (tỉnh Trà Vinh). Ở Sóc Trăng cũng vậy, tuyệt đại đa số các phum, sóc của người Khmer là ở trên đất giồng. Trên các giồng này, cư dân tập trung hết sức đông đúc. Sự có mặt của các ngôi chùa cổ cùng với những câu chuyện cổ tích về quá trình định cư khai khẩn đất hoang có thể coi là những minh chứng cho sự có mặt lâu đời của người Khmer ở đây.

– Cư trú trên đất ruộng

Từ thế kỷ XVIII – XIX, công cuộc khai khẩn đồng bằng sông Cửu Long ngày càng được đẩy mạnh. Năm 1787, Trịnh Hoài Đức đã mô tả tình hình khai khẩn ở Trà Vinh, Trà Cú: “Nhờ sự sắp đặt có thưởng trị phân minh nên dân (người Khmer và người Việt) đều an cư lập nghiệp mà chính vì chỗ gò hoang đất trống đều được khai hoang thành ruộng vườn trồng tía”[2]. Cùng với việc di cư của người Việt vào sâu các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và chính sách mộ dân khai khẩn ruộng đất của triều Nguyễn, đất đai canh tác ngày càng được mở rộng. Tuy nhiên vẫn còn nhiều vùng “đất hãy còn nhiều chỗ rậm rạp, chưa khai thác hết”[2]. Phải đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, do áp lực của việc tăng nhanh dân số của người Khmer và việc đất đai hoang hóa ngày càng hiếm, những vùng đất tốt, màu mỡ đã khai phá gần hết, rừng

hoang, bùng bãi thu hẹp dần, người Khmer phải đi xa hơn khai phá những mảnh đất bùng phen ở các vùng ngập mặn chỉ có thể cấy lúa một vụ. Dưới áp lực dân số, những giồng đất không còn đủ sức chứa vì mật độ cư dân ngày càng đông, mặt khác dễ tiện lợi trong việc gặt đất canh tác, những phum sóc chật chội được chia ra, người Khmer bắt đầu chuyển xuống đất ruộng để thành lập các phum, sóc mới.

Ở những vùng này, người Khmer tập trung thành các khu quay tròn hoặc trải dài theo các dải ruộng nằm giữa các giồng. Hình thức này thường được gặp ở các vùng Trà Vinh, Trà Cú, Cầu Ngang (tỉnh Trà Vinh), Đại Tâm, Phú Tân (tỉnh Sóc Trăng). Một số nơi đồng bào cư trú phân tán hoặc thành từng cụm nhỏ trên đất ruộng phù sa. Càng sâu vào nội địa, các cụm phum sóc, hầu như cô lập giữa vùng trũng. Tuy cư trú trên đất ruộng nhưng người Khmer vẫn đắp đất thành các giồng nhân tạo để xây dựng phum sóc mới trên đó. Hình thức này thường được gặp ở các vùng đất trũng, ngập lụt ở An Giang, Kiên Giang, một phần ven biển Vĩnh Châu, và ở các vùng quanh Sóc Trăng, Trà Cú, Vũng Liêm. Đây là một kiểu cư trú độc đáo, phản ánh một tập quán cư trú đã thành thói quen và khả năng thích ứng sáng tạo của người Khmer trong cuộc đấu tranh sinh tồn và khai phá vùng đất mới.

– Cư trú ven theo kênh và lạch nhỏ

Ở đồng bằng sông Cửu Long, hệ thống kênh rạch chằng chịt tạo nên một nền văn minh kênh rạch, bùng biên sông nước. Cũng như người Việt và người Hoa, một hình thức cư trú khá phổ biến của người Khmer là cư trú dọc theo ven sông, kênh và các con rạch nhỏ. Những phum, sóc được xây dựng theo ven kênh tự nhiên là nơi sinh cơ lập nghiệp khá lâu đời của người Khmer,

so với loại hình cư trú trên đất ruộng. Ở đây còn bảo lưu nhiều yếu tố văn hóa cổ truyền với sự có mặt của những ngôi chùa cổ kính. Phum, sóc ở đây bị biến dạng không còn mang tính đặc trưng như ở đất giồng. Dọc theo hai bờ kênh các ngôi nhà của người Khmer được xây dựng nối tiếp nhau quay mặt ra kênh, trông giống như làng xóm của người Việt, phía sau có mảnh vườn nhỏ, có khi có ao cá, xa hơn là đất ruộng. Khuôn viên của gia đình được bao bọc bởi một vòng mương làm ranh giới giữa các hộ. Mỗi phum, sóc có thể có 2 hay 3 lớp nhà như vậy nằm song song dọc theo kênh. Hình thức cư trú này mang tính phân tán hơn.

Ven theo những con kênh nhân tạo, người Khmer thường lấy đất đào từ dưới lòng mương, đắp lên hai bên bờ và cư trú trên đó. Số lượng phum sóc tương ứng với những mảnh ruộng được tưới nước dọc theo kênh. Hình thức cư trú dọc theo kênh đào này có lẽ mở ra từ lúc Thoại Ngọc Hầu đào kênh Đông Xuyên (1818) trở về sau và phát triển nhanh chóng cùng với việc người Pháp đào kênh Xáng. Hình thức cư trú này được thiết lập muộn hơn nhưng những phum, sóc trên kênh đào phát triển nhanh và vững chắc hơn, bởi kênh đào mang lại nước ngọt và sự giao thông thuận lợi hơn.

– Cư trú dạng “vành khăn” ven núi

Ở vùng biên giới Việt Nam – Campuchia thuộc hai tỉnh An Giang và Kiên Giang (nơi có các dãy núi Thất Sơn, núi Sập, núi Vọng Thê), phum, sóc của người Khmer được thiết lập ven chân núi thành từng lớp hình “vành khăn” từ chân núi tiến dần ra những phần ruộng và những con kênh chung quanh. Từ rất lâu đời người Khmer đã “ở sườn núi, bờ khe làm nghề cá và săn bắn”[3], cùng với người Hoa, Kinh, Chà Và (Chăm) “nhà ở liền nhau, cùng

kinh dinh những mối lợi rừng núi, sông chằm”[3]. Cũng tại đây, người Khmer Việt Nam và người Khmer ở Campuchia thường xuyên đi lại giao lưu, tiếp xúc với nhau, vì vậy, trong lối sống và văn hóa của họ có rất nhiều ảnh hưởng qua lại nhưng vẫn giữ được những bản sắc riêng rất rõ nét.

*

Trong quá trình tụ cư, các phum của người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long đã hòa nhập với làng xóm của người

Việt (Kinh) và người Hoa, tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy mạnh mẽ quá trình giao lưu văn hóa, đoàn kết, gắn bó, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc. Xã hội truyền thống của người Khmer trước đây là sự kết hợp giữa tổ chức tự quản của cộng đồng với sự tham gia của tổ chức nhà chùa. Sự đan xen hỗn hợp này đã tạo cho xã hội truyền thống của người Khmer Nam Bộ một đặc tính xã hội riêng biệt khác với nhiều tộc người khác.

TRADITIONAL SOCIAL ORGANIZATION AND FORMS OF RESIDENCE OF THE KHMER PEOPLE IN THE SOUTHERN OF VIETNAM

Lam Van Rang

The Politics of Tra Vinh Province

ABSTRACT

The Khmer people in the Mekong Delta has formed three major residential areas, including Soc Trang - Bac Lieu - Ca Mau (mainly Soc Trang, Vinh Chau, Vinh Loi), An Giang - Kien Giang (mainly Vong The, Tri Ton, Nha Bang, and to the northwest of Ha Tien), and Tra Vinh - Vinh Long (also known as the hinterland). Social organization of the Khmer people is a phum. Management and administration in a phum is undertook by a respected older man in the community. Activities in a phum have the nature of self-governing communities. The Khmer people often reside on psamments and farmland along small canals and around the foothills.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Châu Đạt Quan, *Chân Lạp Phong thổ ký* (Lê Hương dịch và chú thích), NXB Văn Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2007.
- [2] Trịnh Hoài Đức, *Gia định thành thông chí* (Lý Việt Dũng dịch), NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2006.
- [3] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, phần tỉnh An Giang và tỉnh Hà Tiên, NXB Khoa học xã hội, 1971.
- [4] Huỳnh Lứa (chủ biên), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1987.
- [5] Nguyễn Khắc Cảnh, *Phum sóc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, NXB Giáo dục, 1998.
- [6] Nguyễn Khắc Cảnh, *Sự hình thành cộng đồng người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, In trong *Văn hóa Nam Bộ trong không gian xã hội Đông Nam Á*, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2000.
- [7] Sơn Nam, *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, NXB Trẻ, 2009.
- [8] Lê Hương, *Người Việt gốc Miên*, Sài Gòn, 1969.
- [9] Thạch Voi, *Khái quát về người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, in trong *Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ*, NXB Tổng hợp Hậu Giang, 1988.